TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST
Ngày: 24-11-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm.

Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST-DS, ngày 15/8/2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Th – sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp MH, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Tr – sinh năm 1980 (có mặt) và ông Huỳnh Văn Ng – sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp CT, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: Ấp TL, xã VTh, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2022, bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn Bà Lê Thị Thiều trình bày:

Nguyên trước đây vợ chồng chị Nguyễn Thị Tr, anh Huỳnh Văn Ng có vay tiền của tôi nhiều lần, có vay có trả. Đến ngày 12/6/2017 thì tôi và vợ chồng chị Tr, anh Ng thống nhất chốt nợ lại thì còn 178.000.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu đồng) và hứa sẽ trả dứt điểm số nợ trên cho tôi trong thời gian không quá ba năm. Khi chốt nợ và hứa hẹn bên chị Tr, anh Ng có làm biên nhận giao cho tôi giữ. Nhưng sau đó, quá thời gian như đã thỏa thuận mà chị Tr, anh Ng không

trả tiền cho tôi, tôi đến gặp đòi nhiều lần thì anh chị chỉ hứa cho song mà không có thiện chí trả nợ cho tôi.

Đồng thời, cũng vào ngày 12/6/2017 riêng chị Tr có làm biên nhận chốt nợ và còn thiếu lại tôi số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), riêng phần nợ này chị Tr hứa sẽ trả cho tôi mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian trả tính từ tháng 8/2017 cho đến khi hết số nợ nhưng từ đó đến nay chị Tr không thực hiện đúng theo lời hứa và không thanh toán cho tôi được đồng nào.

Như vậy, tổng số tiền mà chị Tr, anh Ng thống nhất chốt nợ với tôi theo hai biên nhận nợ ngày 12/6/2017 với tổng số tiền 253.000.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử buộc bà Nguyễn Thị Tr và chồng ông Huỳnh Văn Ng phải trả cho bà số tiền nợ vay nợ gốc là 253.000.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết hạn 3 năm theo như vợ chồng bà Tr, ông Ng hứa vào ngày 12/6/2017 tức là đến ngày 12/6/2020 cho đến thời điểm xét xử và yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông Ng trả nợ một lần.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 27/10/2022 và tại phiên tòa Bị đơn Bà Nguyễn Thị Tr trình bày:

Theo Thông báo thụ lý số 131/2022/TLST-DS, ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang thì chị Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng tôi phải trả cho chị Th số tiền nợ vay nợ gốc là 253.000.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết hạn 3 năm theo như vợ chồng tôi hứa tức ngày 12/6/2020 đến thời điểm xét xử. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th thì tôi có ý kiến như sau:

Vào ngày 12/6/2017 tôi có chốt nợ còn thiếu chị Lê Thị Th, chốt 2 biên nhận, một biên nhận là 178.000.000đ có chồng tôi cùng ký tên, một biên nhận 75.000.000đ do tôi ký thì tôi hứa sẽ trả dần cho chị Th mỗi tháng 3.000.000đ nhưng sau đó nợ nần nhiều người nên cho đến nay vợ chồng tôi vẫn chưa trả được nợ cho chị Th như thỏa thuận. Biên nhận chị Th cung cấp cho Tòa án đúng là biên nhận do tôi viết, chữ ký trong biên nhận là chữ ký của vợ chồng tôi.

Đối với số nợ vay này, tôi thống nhất là vợ chồng tôi còn nợ chị Lê Thị Th tổng cộng 253.000.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu đồng) nhưng hiện tại tôi nợ nhiều người nên xin chị Th không tính lãi nửa.

Tại phiên tòa, bà Tr đồng ý trả cho bà Th số tiền còn nợ tổng cộng là 253.000.000đ và đồng ý trả lãi cho bà Th theo lãi suất quy định của nhà nước. Tuy nhiên, về phương án trả nợ thì bà Tr không đưa ra phương án trả nợ cụ thể, vì bà sợ lại thất hứa, bà Tr chỉ hứa là đến thời điểm chồng bà ông Huỳnh Văn Ng đáo hạn lại được số tiền vay của ngân hàng thì bà sẽ mang tiền trả cho bà Th theo khả năng và dần dần thực hiện cho đến khi hết nợ.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Ng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (có vợ là bà Nguyễn Thị Tr nhận thay và cam kết sẽ giao lại) nhưng ông Ng không cung cấp bản tự khai và cũng không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên bà Lê Thị Th khởi kiện bà Nguyễn Thị Tr và ông Huỳnh Văn Ng về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà Lê Thị Th và bị đơn bà Nguyễn Thị Tr công nhận với nhau: Do chổ bạn bè với nhau nên bà Th có cho vợ chồng bà Tr vay tiền nhiều lần, có vay có trả, sau đó vợ chồng bà Tr không còn khả năng trả nợ nên hai bên gặp nhau chốt nợ vào ngày 12/6/2017 chốt 2 biên nhận tổng cộng bà Tr, ông Ng còn nợ bà Th số tiền 253.000.000đ, một biên nhận là 178.000.000đ do bà Tr, ông Ng cùng ký tên, biên nhận này bà Th cho bà Tr, ông Ng nợ 3 năm tức đến ngày 126/6/2020 sẽ trả; một biên nhận 75.000.000đ do bà Tr ký và hứa sẽ trả dần cho bà Th mỗi tháng 3.000.000đ nhưng sau đó nợ nần nhiều người nên cho đến nay vợ chồng bà Tr, ông Ng vẫn chưa trả được nợ cho bà Th như thỏa thuận. Bà Tr công nhận biên nhận bà Th cung cấp cho Tòa án đúng là biên nhận do bà viết, chữ ký trong biên nhận là chữ ký của vợ chồng bà. Do bà Tr, ông Ng hứa hẹn nhiều lần mà không trả được nợ kéo dài đến nay nên bà Th khởi kiện yêu cầu bà Tr, ông Ng phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 253.000.000đ (*Hai trăm năm mươi ba triệu đồng*) và và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày hết hạn 3 năm theo như vợ chồng bà Tr, ông Ng hứa ngày 12/6/2017 tức ngày 12/6/2020 đến thời điểm xét xử và yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông Ng trả nợ một lần.

Xét về việc thực hiện nghĩa vụ thì bà Tr, ông Ng không thực hiện theo đúng thỏa thuận trả nợ cho bà Th từ đó phát sinh tranh chấp. Xét về nội dung và hình thức vay tài sản như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[4] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Tr và ông Huỳnh Văn Ng phải trả cho bà số tiền 253.000.000đ (*Hai trăm năm mươi ba triệu đồng*) và và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày hết hạn 3 năm theo như vợ chồng bà Tr, ông Ng hứa ngày 12/6/2017 tức ngày

12/6/2020 đến thời điểm xét xử và yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông Ng trả nợ một lần. Quá trình giải quyết vụ án bà Tr đều thừa nhận còn nợ bà Th số nợ gốc là 253.000.000đ (*Hai trăm năm mươi ba triệu đồng*), bà Tr đồng ý tính lãi theo yêu cầu của bà Th nhưng bà trình bày hiện tại hoàn cảnh khó khăn nợ nần nhiều người nên không hứa thời gian trả cụ thể mà chỉ hứa khi nào ông Ng đáo hạn được khoản vay thì sẽ vay lại để trả nợ cho bà Th. Yêu cầu trên của bà Tr không được bà Th chấp nhận.

Đối với, ông Huỳnh Văn Ng không nộp văn bản trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải. Tuy nhiên, số nợ trên 01 biên nhận 178.000.000đ có đầy đủ chữ ký của ông Ng và bà Tr, 01 biên nhận 75.000.000đ do bà Tr ký một mình nhưng cùng trong một ngày với biên nhận kia. Hơn nửa, bà Tr trình bày việc vay tiền của bà Th dùng vào việc làm ăn của gia đình và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông bà nên cần buộc ông Ng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Tr trả nợ cho bà Th.

HĐXX thấy rằng, bà Tr và ông Ng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 466 BLDS và yêu cầu xin được trả nợ dần của bà Tr cũng không được bà Th đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th và buộc bà Tr, ông Ng có trách nhiệm thanh toán số nợ vay này cho ông bà Th là phù hợp. Đồng thời phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 12/6/2020 đến ngày xét xử ngày 24/11/2022 là 29 tháng 12 ngày. Lãi suất được tính như sau:

253.000.000đ x 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) x 29 tháng 12 ngày = 61.984.999đ làm tròn là 61.985.000đ.

Tổng cộng gốc và lãi: 253.000.000đ + 61.985.000đ = 314.985.000đ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tr và ông Huỳnh Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải thi hành là 15.749.000đ (314.985.000đ x 5%).

Nguyên đơn bà Lê Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th: Buộc bà Nguyễn Thị Tr và chồng là ông Huỳnh Văn Ng phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị

Th số tiền **314.985.000đ** (*Ba trăm mười bốn triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tr, ông Huỳnh Văn Ng phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 15.749.000đ (*Mười lăm triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Bà Lê Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.325.000đ (*Sáu triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001660 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/11/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập